

# MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ PHẠM VI GIÁM ĐỐC THẨM THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 284 BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

TS. PHAN THỊ THANH MAI \*

Các bản án và quyết định của toà án mang tính quyền lực nhà nước sâu sắc, được toà án tuyên nhân danh Nhà nước, thể hiện trực tiếp thái độ của Nhà nước đối với vụ án, quyết định những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của công dân và những chủ thể khác. Vì vậy, việc đảm bảo tính đúng đắn của các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án là đòi hỏi thiết yếu của nhà nước pháp quyền. Yêu cầu này đặc biệt quan trọng trong tố tụng hình sự, khi mà toà án có quyền ra bản án hình sự, quyết định những vấn đề về trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp tư pháp đối với bị cáo, ảnh hưởng đến tự do, danh dự, tài sản, nhân thân và thậm chí cả tính mạng của con người. Việc quy định nguyên tắc xét xử vụ án theo nhiều cấp (thông lệ chung là hai cấp xét xử) và tổ chức toà án theo thứ bậc để toà án cấp trên có thể xem xét lại phán quyết của toà án cấp dưới là một trong những giải pháp về mặt pháp luật để giải quyết vấn đề này. Mặc dù đã có cơ chế để đảm bảo tính hợp pháp của các bản án hoặc quyết định trước khi có hiệu lực pháp luật nhưng những bản án hoặc quyết định này vẫn có thể không hợp pháp và đòi hỏi phải có thủ tục giải quyết. Trong luật tố tụng hình sự Việt Nam, thủ tục này được gọi là thủ tục giám đốc thẩm. Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lí luận về giám đốc thẩm cũng như nghiên cứu, đánh giá thực tiễn

giám đốc thẩm trong những năm gần đây; qua tham khảo tài liệu pháp lí và Bộ luật tố tụng hình sự của một số nước trên thế giới và trong khu vực, chúng tôi nhận thấy quy định của pháp luật về giám đốc thẩm ở Việt Nam và các quốc gia khác từ trước đến nay đều có đặc điểm chung là hạn chế việc giám đốc thẩm. Việc hạn chế này nhằm tránh tình trạng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị hủy bỏ hiệu lực trong những trường hợp không thực sự cần thiết; đảm bảo tính ổn định của các bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật, đảm bảo các quan hệ pháp luật đã được thiết lập bởi các phán quyết của toà án sau khi xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm. Pháp luật mỗi nước có những quy định hạn chế riêng, phù hợp, thống nhất với các quy định khác trong một chế định pháp luật hoàn chỉnh. Luật tố tụng hình sự Việt Nam quy định hạn chế về căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm; thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng bất lợi cho người bị kết án; chủ thể có quyền kháng nghị giám đốc thẩm; thẩm quyền giám đốc thẩm và quyền hạn của hội đồng giám đốc thẩm... Những quy định pháp luật có tính hạn chế thủ tục giám đốc thẩm là phù hợp với lí luận và thực tiễn tố tụng. Tuy nhiên, riêng quy định về phạm vi

\* Giảng viên chính Khoa luật hình sự  
Trường Đại học Luật Hà Nội

giám đốc thẩm lại không theo xu hướng hạn chế mà lại mở rộng phạm vi giám đốc thẩm.

Điều 284 BLTTHS năm 2003 quy định về phạm vi giám đốc thẩm như sau: "*Hội đồng giám đốc thẩm phải xem xét toàn bộ vụ án mà không chỉ hạn chế trong nội dung của kháng nghị*".

Hiện nay, chưa có văn bản của cơ quan có thẩm quyền giải thích nên có những lí giải khác nhau về quy định này.

Có ý kiến cho rằng giám đốc thẩm là cấp cuối cùng xem xét lại bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm xem xét toàn bộ vụ án, không bị hạn chế bởi nội dung kháng nghị nhằm bảo đảm việc xét xử vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.<sup>(1)</sup>

Ý kiến khác lại cho rằng xuất phát từ tính chất và đặc điểm của giám đốc thẩm nên việc xem xét toàn bộ vụ án vừa là quyền vừa là trách nhiệm đối với hội đồng giám đốc thẩm. Toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm phải xem xét lại toàn bộ vụ án, phát hiện các vi phạm pháp luật để có biện pháp khắc phục. Nếu kháng nghị chỉ đề cập tội danh, hình phạt của một hay một số người thì hội đồng giám đốc thẩm vẫn phải xem xét tội danh, hình phạt của tất cả những người bị kết án để có biện pháp khắc phục. Phạm vi giám đốc thẩm không bị ràng buộc bởi nội dung của kháng nghị. Bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị toàn bộ hay một phần cũng không có ý nghĩa đến phạm vi xem xét của hội đồng giám đốc thẩm.<sup>(2)</sup>

Những ý kiến trên đều đưa ra những cơ sở để giải thích cho điều luật và không bình luận về tính hợp lí của điều luật. Tuy nhiên,

các tác giả cũng cho rằng xem xét và quyết định là hai vấn đề khác nhau, xem xét toàn bộ vụ án không có nghĩa là được quyền quyết định đối với mọi vấn đề của vụ án. Từ cách hiểu này lại nảy sinh vấn đề: Quyền hạn của hội đồng giám đốc thẩm khi quyết định theo hướng bất lợi và theo hướng có lợi đối với những người bị kết án có liên quan đến kháng nghị và đối với những người bị kết án không liên quan đến kháng nghị. Vấn đề này có nhiều quan điểm không thống nhất. Có quan điểm cho rằng hội đồng giám đốc thẩm có quyền quyết định theo hướng bất lợi cho người bị kết án không liên quan đến kháng nghị; có quan điểm cho rằng không được quyết định theo hướng bất lợi cho người bị kết án không liên quan đến kháng nghị...<sup>(3)</sup>

Việc giải thích điều luật theo hướng phân biệt quyền xem xét và quyền quyết định như đã nêu trên theo chúng tôi đó là sự suy diễn có tính chủ quan. Nếu cho rằng xem xét không có nghĩa là được quyền quyết định thì rõ ràng là Điều 284 BLTTHS chưa xác định được phạm vi giám đốc thẩm là được quyết định về những vấn đề gì. Chúng tôi không nghĩ rằng các nhà làm luật đưa ra điều luật thiếu nội dung pháp lí như vậy.

Theo chúng tôi, điều luật này gồm những nội dung sau:

- Những vấn đề mà toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm phải xem xét là toàn bộ vụ án mà không chỉ hạn chế trong nội dung của kháng nghị giám đốc thẩm;

- Theo Từ điển tiếng Việt, "xem xét" là "*tìm hiểu, quan sát kĩ để đánh giá, rút ra những nhận xét, những kết luận cần thiết khác*",<sup>(4)</sup> vì vậy, nội dung Điều 284 BLTTHS năm 2003 về phạm vi giám đốc thẩm đã bao

hàm cả quyền đánh giá và ra quyết định. Điều 241 BLTTHS về phạm vi xét xử phúc thẩm quy định: *"Toà án cấp phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị. Nếu xét thấy cần thiết thì toà án cấp phúc thẩm có thể xem xét các phần khác không bị kháng cáo, kháng nghị của bản án"*. Trong quy định này, từ "xem xét" được dùng theo nghĩa này và không ai đặt vấn đề phân biệt quyền xem xét với quyền quyết định.

- Việc BLTTHS quy định toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm phải xem xét toàn bộ vụ án là trách nhiệm có tính bắt buộc của toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm.

Với những nội dung như trên, chúng tôi nhận thấy Điều 246 BLTTHS có một số bất cập sau:

*Thứ nhất*, Điều 284 BLTTHS quy định hội đồng giám đốc thẩm phải xem xét toàn bộ vụ án... Theo chúng tôi, "toàn bộ vụ án" là khái niệm không rõ ràng. Thông thường, trong TTHS, những giới hạn hoặc phạm vi được phép tiến hành hoạt động tố tụng được xác định cụ thể bởi các quyết định tố tụng cụ thể như quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, quyết định đề nghị truy tố, quyết định truy tố, bản án, kháng nghị v.v.. Trong một số trường hợp đặc biệt còn có thể xác định bởi những cơ sở khác, các cơ sở này mặc dù không phải là các quyết định tố tụng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng được luật tố tụng xác định giá trị pháp lý về mặt tố tụng. Những cơ sở này là đơn yêu cầu khởi tố vụ án và rút yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại trong trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại được quy định tại Điều 105 BLTTHS hay kháng cáo của bị cáo

và những người tham gia tố tụng khác. Như vậy, khái niệm toàn bộ vụ án trong Điều 284 BLTTHS phải được hiểu như thế nào; căn cứ vào phạm vi quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; vào kết luận điều tra đề nghị truy tố của cơ quan điều tra; vào nội dung quyết định truy tố của viện kiểm sát; vào nội dung bản án sơ thẩm hay bản án phúc thẩm? Trong quá trình tố tụng, phạm vi vụ án mà các cơ quan tiến hành tố tụng phải giải quyết trong từng giai đoạn tố tụng rộng hẹp khác nhau, vì vậy, theo chúng tôi, cần phải xác định rõ văn bản tố tụng cụ thể nào là cơ sở pháp lý để xác định phạm vi giám đốc thẩm.

*Thứ hai*, từ "xem xét" trong Điều 284 BLTTHS cũng không rõ ràng. Nếu hiểu xem xét không có nghĩa là có quyền quyết định như cách giải thích của một số tác giả thì Điều 284 BLTTHS chưa xác định được phạm vi giám đốc thẩm được quyền quyết định vấn đề gì. Còn nếu hiểu xem xét là có quyền quyết định thì phạm vi giám đốc thẩm là quá rộng. Giả sử chúng ta xác định "toàn bộ vụ án" ở mức độ phạm vi hẹp nhất của khái niệm này là căn cứ vào nội dung bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị giám đốc thẩm thì quy định này cũng có thể dẫn đến hậu quả bất lợi cho những người không liên quan đến kháng nghị giám đốc thẩm. Nếu toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm xem xét những vấn đề ngoài phạm vi kháng nghị thì toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm có thể hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật để xét xử lại theo hướng bất lợi cho cả những người không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Đề giải quyết bất cập này, có ý kiến cho rằng nên giữ nguyên điều luật và bổ sung

thêm quy định không được quyết định theo hướng không có lợi cho người bị kết án nếu không có kháng nghị theo hướng đó để đảm bảo nguyên tắc không làm xấu đi tình trạng của bị cáo tương tự như trong thủ tục phúc thẩm.<sup>(5)</sup> Theo chúng tôi, việc bổ sung điều luật như trên chưa giải quyết hết những bất cập như đã phân tích ở trên.

Theo quan điểm của chúng tôi, Điều 284 BLTTHS cần phải sửa đổi theo hướng:

- Bỏ cụm từ "toàn bộ vụ án" vì như đã phân tích ở trên, chúng ta không xác định được thế nào là "toàn bộ vụ án";

- Thay từ "xem xét" thành từ "xét lại" để xác định rõ thẩm quyền quyết định của hội đồng giám đốc thẩm.

- Thẩm quyền của hội đồng giám đốc thẩm cần được xác định bởi kháng nghị giám đốc thẩm bởi vì kháng nghị giám đốc thẩm chính là cơ sở phát sinh thủ tục giám đốc thẩm.

Xu hướng chung của các nước trên thế giới cũng như theo quan điểm của các nhà làm luật Việt Nam thì việc xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật chỉ tiến hành trong những trường hợp rất hạn chế để đảm bảo tính ổn định của các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Luật tố tụng hình sự của một số nước cũng giới hạn phạm vi giám đốc thẩm theo nội dung kháng nghị giám đốc thẩm. Điều 444 BLTTHS Hàn Quốc quy định: "*Toà án tối cao sẽ chỉ điều tra những vấn đề ghi trong đơn để xem xét việc kháng án đặc biệt*".<sup>(6)</sup> Điều 460 BLTTHS Nhật Bản cũng quy định: "*Toà án chỉ xem xét những vấn đề được nêu trong kháng nghị giám đốc thẩm*".<sup>(7)</sup> Việc mở rộng phạm vi giám đốc thẩm là không cần thiết và không đúng với tính chất của giám đốc thẩm là chỉ tiến hành khi có

kháng nghị của chủ thể có thẩm quyền. Giả sử, nếu như bản án đã có hiệu lực pháp luật tuyên phạt bị cáo về nhiều tội, kháng nghị giám đốc thẩm chỉ đề cập việc toà án đã định tội danh sai đối với một tội thì không có lý do gì để buộc toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm phải xét lại phần bản án về tất cả các tội khác, nhất là khi bản án đã có hiệu lực pháp luật. Quy định theo hướng mở rộng phạm vi giám đốc thẩm không chỉ làm tăng khối lượng công việc cho toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm mà còn có tính chất bao biện, làm thay toà án cấp phúc thẩm, không phát huy được trách nhiệm của toà án cấp phúc thẩm trong việc khắc phục những sai lầm trong hoạt động xét xử của toà án cấp sơ thẩm.

Cũng có ý kiến cho rằng, nếu giới hạn phạm vi giám đốc thẩm theo nội dung kháng nghị có thể dẫn đến tình trạng không khắc phục hết những sai lầm trong hoạt động xét xử và việc bản án có thể bị giám đốc thẩm nhiều lần. Để tránh tình trạng này, theo chúng tôi, khi kiểm tra tính hợp pháp của các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, toà án và viện kiểm sát phải kiểm tra toàn bộ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Khi giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, toà án và viện kiểm sát cũng phải xem xét toàn bộ bản án, quyết định mà không phụ thuộc vào nội dung của đơn đề nghị, trên cơ sở đó ra quyết định kháng nghị giám đốc thẩm. Để kháng nghị giám đốc thẩm đầy đủ, không bỏ sót vi phạm pháp luật nghiêm trọng cần phải xem xét toàn bộ bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng khi giám đốc thẩm thì phạm vi giám đốc thẩm cần phải được giới hạn trong phạm vi của kháng nghị để đảm bảo nguyên tắc phối hợp, chế ước trong tố

tụng hình sự. Nếu trong khi giám đốc thẩm phát hiện vi phạm pháp luật nghiêm trọng chưa có kháng nghị thì hội đồng giám đốc thẩm thông báo cho người có thẩm quyền kháng nghị để kháng nghị. Tuy nhiên, vấn đề này không cần thiết phải quy định trong Điều 284 BLTTHS về phạm vi giám đốc thẩm mà cần được quy định cụ thể hơn về quyền bổ sung kháng nghị tại Điều 277 BLTTHS về kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Từ những phân tích trên, chúng tôi kiến nghị sửa đổi Điều 284 BLTTHS như sau: "Hội đồng giám đốc thẩm chỉ xét lại những vấn đề được nêu trong kháng nghị giám đốc thẩm" /.

(1).Xem: PGS.TS. Võ Khánh Vinh (chủ biên), "*Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*", Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2004, tr. 769.

(2).Xem: Nguyễn Văn Trường, "*Giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự*", Luận văn thạc sĩ (1996), tr. 84; Đinh Văn Quế, "*Giám đốc thẩm, tài thẩm về hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 69.

(3).Xem: Đinh Văn Quế, "*Giám đốc thẩm, tài thẩm về hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.73.

(4).Xem: Trung tâm từ điển học, "*Từ điển tiếng Việt*", Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, tr.1107.

(5).Xem: Hoàng Quảng Lực, "*Bàn về thời điểm phát sinh hiệu lực của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị*", Tạp chí TAND số 5/1997, tr.22; Nguyễn Văn Trường, "*Giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự*", Luận văn thạc sĩ (1996), tr.82; Đinh Văn Quế, "*Giám đốc thẩm, tài thẩm về hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.72.

(6).Xem: Viện khoa học kiểm sát VKSNDTC (1998), "*Luật tố tụng hình sự Hàn Quốc*", (bản dịch tiếng Việt), tr.100.

(7).Xem: Viện khoa học kiểm sát VKSNDTC (1993), "*Bộ luật tố tụng hình sự Nhật Bản*", (bản dịch tiếng Việt), tr. 74.

## SỬA ĐỔI, BỔ SUNG... (tiếp theo trang 60)

+ Việc trả hồ sơ điều tra bổ sung theo yêu cầu của toà án thuộc thẩm quyền của thẩm phán được phân công chủ tọa phiên toà ở giai đoạn xét xử sơ thẩm và hội đồng xét xử tại phiên toà.

+ Giới hạn hai lần trả hồ sơ điều tra bổ sung chỉ xác định với trường hợp trả hồ sơ do thẩm phán được phân công chủ tọa phiên toà quyết định.<sup>(5)</sup>

+ Hiện tại BLTTHS chưa có quy định về thời hạn điều tra bổ sung theo yêu cầu của hội đồng xét xử. Cần phải quy định bổ sung về thời hạn làm căn cứ để cơ quan điều tra tiến hành điều tra, tránh kéo dài quá trình giải quyết vụ án.

Theo chúng tôi, Điều 121 cần sửa đổi như sau: "Viện kiểm sát, thẩm phán được phân công chủ tọa phiên toà chỉ được trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung không quá hai lần. Trong trường hợp vụ án do viện kiểm sát trả lại để điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung mỗi lần không quá hai tháng; nếu do thẩm phán trả lại để điều tra bổ sung thì thời hạn mỗi lần không quá một tháng.

Trong trường hợp hội đồng xét xử yêu cầu điều tra bổ sung thời hạn điều tra bổ sung mỗi lần không quá một tháng"<sup>(6)</sup> /.

(5). Trên thực tế số vụ án bị toà án yêu cầu điều tra bổ sung khi đang tiến hành xét xử diễn ra phổ biến, có những vụ yêu cầu điều tra bổ sung nhiều lần (vụ PIJICO 3 lần xét xử đều hoãn phiên toà yêu cầu điều tra bổ sung - Báo lao động số 184 ngày 10/8/2007); vụ án tham ô tài sản của Đặng Nam Trung nguyên giám đốc công ti phát triển đầu tư du lịch - khoa học kĩ thuật IDC trả hồ sơ điều tra bổ sung 7 lần trong đó có 4 lần yêu cầu điều tra bổ sung do hội đồng xét xử quyết định - Vnexpress ngày 08/6/2007.

(6).Xem: ThS. Phan Thanh Mai, "*Điều tra bổ sung theo quyết định của toà án*", Tạp chí luật học, số 5/2002.